

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thảo.

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Như A, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp T, xã C, huyện B, tỉnh D; Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh N; địa chỉ tạm trú: Khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh B; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Võ Thị Như A trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Như A và ông Nguyễn Trung T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 06/10/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh N. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông T thường hay uống rượu. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông T.

*Về con chung:* Có một con chung tên Nguyễn Hoài Bảo C, sinh ngày 07/8/2016. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

*Về tài sản chung và vay nợ chung:* Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà A thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Bà A yêu cầu ông Nguyễn Trung T phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Ông Nguyễn Trung T đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông T không tham gia trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Như A, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị Như A được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

+ Về con chung: Bà Võ Thị Như A được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài Bảo C, sinh ngày 07/8/2016.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi Cên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của bị đơn Ông Nguyễn Trung T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Như A và ông Nguyễn Trung T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 06/10/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh N. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà A yêu cầu ly hôn với ông T do bất đồng quan điểm, ông T thường uống rượu. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trung tham gia tố tụng nhưng ông T không tham gia và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nhi, chứng tỏ, ông T không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như gìn giữ hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hoài Bảo C, sinh ngày 07/8/2016. Hiện cháu C đang sinh sống cùng bà A nên việc bà A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu ông Nguyễn Trung T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Như A tự nguyện chịu toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như A về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Trung T.

1.1. Bà Võ Thị Như A được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Bảo C, sinh ngày 07/8/2016 cho bà Võ Thị Như A trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3. Ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Hoài Bảo C đủ 18 tuổi.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả*

*theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.*

Bà Võ Thị Như A và ông Nguyễn Trung T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Như A phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037811 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà Võ Thị Như A còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh N (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mỹ Trúc**